

ĐỌC TÁC PHẨM “NỀN ĐẠO ĐỨC TIN LÀNH VÀ TINH THẦN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN” CỦA MAX WEBER DƯỚI GÓC ĐỘ VĂN HOÁ HỌC

LÊ XUÂN KIỀU,
PHẠM THỊ THUYẾT
giới thiệu

Max Weber (1864-1920), nhà xã hội học người Đức, là một trong những người khai sinh ra ngành khoa học xã hội này. Các công trình của ông có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển của ngành xã hội học ở hầu như tất cả các nước trên thế giới. Trong đó, tác phẩm “Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản” được ông viết năm 1904-1905 đã trở thành cuốn sách kinh điển đối với nhiều nhà nghiên cứu khoa học xã hội nói chung và nghiên cứu xã hội học nói riêng. Cuốn sách của M. Weber đã trả lời cho câu hỏi tại sao và làm thế nào mà CNTB đã xác lập không chỉ như một mô hình kinh tế mà còn là “một mô hình văn hoá ghi dấu ấn lên trên toàn bộ các lĩnh vực đời sống xã hội, tinh thần cũng như vật chất ở châu Âu cận đại và đương đại” (5, tr.15). Qua cuốn sách, văn hoá nổi bật lên như một chủ đề rất quan trọng trong nghiên cứu của M. Weber.

Cho đến nay, đã có hơn 20 bản dịch của “Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản” ra các thứ tiếng trên thế giới, như: Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Ý, Nhật Bản, Trung Quốc, Việt... Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu những quan niệm của M. Weber về văn hoá trong tác phẩm này.

1. Về khái niệm tinh thần của chủ nghĩa tư bản

Tư tưởng nổi bật của cuốn sách là vai trò của nhân tố tinh thần đối với sự phát triển của CNTB. M. Weber muốn chứng minh rằng, những quan niệm tôn giáo (ở đây là đạo Tin Lành) thực sự là một nhân tố có ảnh hưởng quan trọng đối với kinh tế và do đó, là một trong những nguyên nhân của những chuyển biến kinh tế của các xã hội. Ông viết “Như vậy công cuộc nghiên cứu sau đây có lẽ cũng là một đóng góp khiêm tốn vào việc cho thấy bằng cách nào các ý

tưởng trở thành những sức mạnh hữu hiệu trong lịch sử. Chúng tôi chỉ muốn làm sáng tỏ cái phần của các động lực tôn giáo trong vô số những động lực cá biệt trong lịch sử vốn đã góp phần vào sự phát triển của nền văn minh hiện đại của chúng ta” (5, tr.28).

Chúng ta biết rằng, trong thế kỷ XVI, ở châu Âu đã diễn ra cuộc Cải cách tôn giáo mà những người sáng lập là Martin Luther và Calvin. Đây không chỉ là sự đổi mới tôn giáo đơn thuần mà là sự biến đổi hết sức sâu sắc nền văn hoá

Thiên Chúa giáo với sự ra đời của đạo Tin Lành. Văn hoá Thiên Chúa giáo kiểu mới ra đời - một nền văn hoá mới mà “tinh thần đứng bên trên thế giới của Thiên Chúa giáo đã trở thành cơ sở ý niệm của đạo đức lao động mới, và trở thành sức mạnh cổ vũ cho việc cải biến thực tiễn hợp lý đối với thế giới” (4, tr.432). CNTB ra đời và phát triển trong bối cảnh này. M. Weber đã khảo sát xem các mặt cụ thể nào của văn hoá TBCN có thể bắt nguồn từ sức mạnh tôn giáo. Trên cơ sở đó, có thể đánh giá ở một mức độ nào đó văn hoá hiện đại được giải thích bởi sức mạnh của tôn giáo và ở một chừng mực nhất định thì nó cũng chịu ảnh hưởng bởi các lực lượng khác.

Khái niệm “tinh thần của chủ nghĩa tư bản” được M. Weber sử dụng xuyên suốt trong tác phẩm. Trong việc trình bày khái niệm tinh thần TBCN, ông cho rằng, chúng ta không thể định nghĩa một cách trực tiếp khái niệm này (5, tr.47-48). Vấn đề là nó đề cập đến một hiện tượng có tính lịch sử bao gồm một phức hợp của tính quan hệ lẫn nhau trong hiện thực lịch sử. Nó là phức hợp mà nhà nghiên cứu hợp nhất thành một thể thống nhất mang tính khái niệm, bắt đầu từ vấn đề của tầm quan trọng về văn hóa của nó. Khái niệm tinh thần TBCN cần phải được phát triển dần dần qua việc lấy những thành tố mà định dạng nó từ trong hiện thực lịch sử. Vì vậy, M. Weber đã lập luận rằng, trong quá trình tranh luận cần phải phát triển khái niệm thích hợp nhất từ quan điểm mà ông quan tâm.

Quan điểm mà M. Weber chọn để thiết lập ở một mức độ chung là vấn đề ảnh hưởng của tư tưởng tôn giáo đến sự phát triển của hệ thống kinh tế. Cụ thể

hơn, đó là vấn đề mối liên hệ giữa tinh thần của nền kinh tế TBCN hiện đại với đạo đức lý tính của Chủ nghĩa Cơ Đốc giáo khổ hạnh. M. Weber nhấn mạnh rằng, quan điểm này không chỉ là việc đặc trưng hóa có thể chấp nhận được của tinh thần TBCN. Các quan điểm



khác sẽ nhấn mạnh những đặc tính khác như là những đặc tính cần thiết. Với quan điểm mà ông đã chọn, M. Weber đã tìm kiếm để thiết lập tầm

quan trọng mà tinh thần TBCN đã đưa đến cho chính ông.

Bản thân M. Weber đã nói rằng cách tiếp cận của ông về vấn đề này là để thực hiện một sự miêu tả căn bản về những gì ông tin vào tinh thần của CNTB (1, tr.78). Sau đó có một sự phân loại bản thân hiện tượng đó. Miêu tả ban đầu đã được thực hiện trên cơ sở của việc phân loại nội dung của tinh thần TBCN. Sau khi đã phân loại về nội dung, M. Weber khảo sát xem những nhân tố nào ngăn cản sự phát triển của tinh thần TBCN, trong khi tôn giáo và đạo đức đã khuyến khích hỗ trợ cho sự phát triển của tinh thần TBCN.

Quan điểm của M. Weber là trong hiện thực, tinh thần của CNTB là một dạng đạo đức và cụ thể hơn là một dạng đạo đức đòi hỏi mỗi cá nhân làm việc theo một cách mà vốn liếng kinh tế của bản

thân người đó ngày càng tăng lên. Trên cơ sở này M. Weber đã đặt vấn đề đi tìm nguồn gốc tri thức của đạo đức này.

Khởi đầu cho việc tìm kiếm cơ sở tri thức là khái niệm của Luther về thiên hướng (nghề nghiệp). Quan điểm của Luther là con người nên nắm bắt thật nhanh những gì mà anh ta muốn làm. Sự thôi thúc bên trong là một phần nghi lễ của Chúa đối với những gì mà con người phải tuân theo. Con người phải thực hiện những nhiệm vụ mà Chúa đã định sẵn cho họ. Theo M. Weber, đây là một quan niệm truyền thống của sự thôi thúc bên trong bản thân mỗi con người. Tuy nhiên, đối với Calvin và những người đứng đầu Giáo hội Tin Lành khác, sự thôi thúc bên trong là một hệ quả có tính logic của học thuyết tôn giáo.

M. Weber nhấn mạnh rằng, những người đứng đầu Giáo hội Tin Lành không phải là người tìm ra một văn hóa đạo đức cụ thể, mà cũng không phải là những người khởi xướng một dự án nhân đạo về cải cách xã hội. Nó là việc giành lại linh hồn nằm trong cuộc sống và linh hồn của họ. Những tư tưởng đạo đức của họ đều dựa trên tác phẩm này và là kết quả của những động lực tôn giáo. M. Weber đã giả định rằng, có bốn yếu tố chính đóng góp cho sự hình thành chủ nghĩa thế tục của Giáo hội Tin Lành, đó là chủ nghĩa Calvin, chủ nghĩa Pie, chủ nghĩa phương pháp và Baptist. Bốn phong trào này đã đan xen với một phong trào khác chỉ khi giáo lý đã được hiểu một cách phức tạp. Những gì mà M. Weber quan tâm không phải là sự tranh giành giữa các phong trào và các luồng tư tưởng mà hơn thế là ảnh hưởng của các tư tưởng. Những gì mà ông quan tâm là sự thừa nhận về mặt

tâm lý, trên cơ sở đó niềm tin và việc thực hành tôn giáo đã cung cấp những chỉ dẫn cho việc hành xử của con người trong thực tế và giúp họ đi theo con đường đã được trải ra trước mắt họ.

Sự thừa nhận về mặt tâm lý ở một mức độ cao được rút ra từ các tư tưởng tôn giáo cụ thể. Do đó sẽ là rất quan trọng đối với M. Weber để xem xét những tín điều trừu tượng đã chi phối con người thời kỳ đó. Điểm khởi đầu của ông là ý tưởng tôn giáo nằm dưới văn bản này.

Theo M. Weber, những tín điều của chủ nghĩa Calvin về định mệnh là phù hợp nhất với các tín điều của đạo Tin Lành. Đó là ảnh hưởng tâm lý sâu sắc nhất. Niềm tin rằng con người có đời sống vĩnh hằng hay con người bị đày xuống địa ngục là định mệnh và trở thành niềm tin trong mỗi cá nhân. Không ai có thể giúp được, cho nên con người phải theo lối đi mà mình đã đặt chân lên. Mỗi cá nhân cần phải làm việc trong sự cứu rỗi của mình với Chúa.

M. Weber nghiên cứu mối liên hệ giữa tư tưởng tôn giáo với các quy luật của đời sống kinh tế hàng ngày qua các bản viết của các mục sư Tin Lành. Qua việc nghiên cứu các văn bản này ông có thể xác định các chỉ dẫn đạo đức Tin Lành đối với đạo đức kinh tế. Trong các văn bản này nhà truyền đạo Tin Lành, Richard Baxter đã nhấn mạnh rằng sự giàu có là rất nguy hiểm. Mặt khác, các mục sư không bao giờ được nghỉ ngơi mà phải phục vụ Đức Chúa của mình thông qua sự lao động chăm chỉ có tính hệ thống cả về trí óc và lao động phổ thông. Điều này cũng giống với dòng Baptist. Ở đây, yêu cầu đặt ra là chúng ta nên làm việc để làm giàu vì Đức Chúa chứ không

phải là vì ham muốn một cuộc sống tội lỗi và tạm thời trên trần thế.

Đối với những người theo Thanh giáo, một cuộc sống hưởng thụ gấp gáp là không thể chấp nhận được. Nó lôi kéo sự dành dụm ra khỏi tôn giáo và kêu gọi lao động. Do đó, chủ nghĩa khổ hạnh chống lại các khía cạnh của văn hoá mà không có bất kỳ một giá trị tôn giáo trực tiếp nào. Tuy nhiên, chủ nghĩa Thanh giáo không dẫn đến những thành kiến hẹp hòi đối với văn hoá. Trên hết rõ ràng là sự hưởng thụ văn hoá không có ý nghĩa đối với bất cứ điều gì. Nó là trách nhiệm của con người để trông nom tài sản của họ. Con người càng sở hữu nhiều tài sản thì cảm giác trách nhiệm để giữ tài sản đó vì thanh danh của Chúa càng lớn. Đó là nền đạo đức bền vững có ý nghĩa cho sự phát triển của CNTB (1, p.183).

Hiệu quả thực tế của nền đạo đức này là sự tích tụ tư bản. Theo M. Weber, vấn đề là sự tích tụ ngày càng tăng lên cũng làm tăng lên các nhu cầu và mong muốn hiện thời. Kết quả là tôn giáo ngày càng bị thu hẹp, và đạo đức kinh tế được thoát thai từ dạng tôn giáo này thì ngày càng phát triển. Cách ứng xử lý tính đã phát triển khỏi chủ nghĩa khổ hạnh của Cơ Đốc giáo. Nó dựa trên ý tưởng của một khuynh hướng mà M. Weber xem như là một trong những mặt căn bản của CNTB hiện đại và toàn bộ nền văn hoá hiện đại. Điều này dẫn đến sự chuyên môn hoá trong lao động và mất đi tính phổ biến của loài người. Chủ nghĩa khổ hạnh đã đi vào cuộc sống hàng ngày và thống trị đạo đức thế tục, đóng vai trò trong sự tăng trưởng của trật tự kinh tế hiện đại. Trật tự này đã tạo nên nền sản xuất công nghiệp, cái mà đã quyết định cuộc sống của những người sinh ra trong những điều kiện đó.

Theo những phân tích về tầm quan trọng của chủ nghĩa khổ hạnh Tin Lành đối với sự phát triển của văn hoá TBCN, M. Weber nhấn mạnh rằng, nếu chúng ta thật sự mong muốn để đánh giá ý nghĩa văn hoá của chủ nghĩa khổ hạnh Tin Lành đối với các thành tố khác của văn hoá hiện đại thì chúng ta cần phải nghiên cứu sự phát triển mang tính lịch sử của nó trong mọi bộ phận của tôn giáo khổ hạnh. Chúng ta cũng cần phải nghiên cứu tầm quan trọng của nó trong tất cả các lĩnh vực khác. Chúng ta cần phải nghiên cứu điều gì đã tác động tới đạo đức xã hội thực tế và đối với chức năng và tổ chức của các nhóm xã hội. Chúng ta cần phải khảo sát mối quan hệ của nó với chủ nghĩa duy lý nhân văn bao gồm cả sự tồn tại của cuộc sống và ảnh hưởng của văn hoá. Cuối cùng, chúng ta cũng cần phân tích nó có ý nghĩa gì cho sự phát triển của chủ nghĩa kinh nghiệm khoa học và triết học giả hiệu (sự nguy biện), cho sự phát triển mang tính công nghệ và sự phát triển của các ý niệm tinh thần (1, p.183).

Trong tác phẩm này, không một định nghĩa về văn hoá nào được đưa ra nhưng có một lý thuyết về cách thức mà một hiện tượng văn hoá phát triển. Đó là văn hoá TBCN. Theo M. Weber, văn hoá này được đặc trưng bởi tinh thần của sự thôi thúc lao động. Đến đây, chúng ta có thể hiểu “tinh thần của CNTB” mà M. Weber đưa ra như là “một tâm thế mở luôn hướng tới những cách giải quyết vấn đề mới, đối lập với óc thủ cựu; một thái độ tận tâm và chuyên cần đối với công việc vì chính công việc chứ không vì mục đích nào khác”. Ông viết “Một trong các bộ phận cấu thành của tinh thần TBCN hiện đại, và không chỉ của tinh thần này, mà cả của chính nền văn hoá hiện đại, tức

là lối sống thuần lý dựa trên ý tưởng Beruf (một khái niệm kép chỉ nghề nghiệp-thiên chức) đã được phát sinh từ tinh thần của nền khổ hạnh Kitô giáo - đó chính là điều mà các trình bày của chúng tôi muốn chứng minh” (5, tr.27).

2. Về vai trò của văn hoá đối với phát triển

M. Weber đi tìm lời giải cho hiện tượng văn hoá của phong trào cải cách trước đó. Trong lý thuyết của ông, sự nối kết giữa Phong trào cải cách châu Âu và văn hoá TBCN, M. Weber đã xem xét hai vấn đề riêng rẽ. Một mặt, ông tìm sự kết nối giữa văn hoá đạo đức của phong trào cải cách với văn hoá của CNTB. Mặt khác, ông lại đi tìm mối liên hệ giữa văn hoá đạo đức của phong trào cải cách với hệ quả của cách ứng xử của những ý tưởng của phong trào cải cách. Hai vấn đề này luôn được giải quyết song song trong tác phẩm của M. Weber.

Trong việc giải thích khái niệm nghề nghiệp-thiên chức, M. Weber đã trở lại với tư tưởng của phong trào cải cách. Ông bắt đầu với tư tưởng của Luther và các nhà tư tưởng tôn giáo khác trong hệ thống giáo lý Tin Lành. Tư tưởng duy lý được phát triển ra khỏi những giáo lý tôn giáo của họ và điều này đến lượt nó lại hình thành cơ sở cho ý tưởng về sự thôi thúc lao động. Bằng cách này, M. Weber đã giới thiệu các trường phái tư tưởng, chẳng hạn như tư tưởng Do Thái và Kinh Thánh cổ. Ông nhấn mạnh đến các thành tố của các trường phái tư tưởng trước đó mà vẫn tồn tại trong quá trình này, các thành tố đã thay đổi và các thành tố đã bị xoá bỏ. Bằng cách đó, M. Weber đã trình bày lý thuyết về việc tinh thần của sự thôi thúc trong văn hoá tư bản được phát

triển như thế nào dựa trên cơ sở của các hiện tượng văn hoá khác.

Khi M. Weber giải thích sự tận tâm với công việc trong văn hoá của CNTB, ông đã trở lại với tư tưởng của phong trào cải cách châu Âu. Ông chỉ ra rằng, những tư tưởng tôn giáo có những hệ quả nhất định về tâm lý. Nó bao gồm cảm giác đơn độc, sự kiên nhẫn và niềm say mê để trở thành người được Chúa lựa chọn. Hệ quả tâm lý này đã dẫn đến cách hành xử duy lý trong việc phấn đấu để tận tâm trong công việc, chấp nhận tư tưởng khoa học và từ chối văn học nghệ thuật cũng như các loại hình giải trí. Hệ quả của điều này là sự tích tụ tư bản và sự phát triển của một trật tự kinh tế mới. M. Weber đã đưa ra lý thuyết trong văn hoá của CNTB, sự tận tâm với công việc là kết quả của các tư tưởng tôn giáo.

Nếu cố gắng để chất lọc cách hiểu của M. Weber về văn hoá trên cơ sở của sự phân tích này, chúng ta thấy rằng văn hoá xuất hiện qua nội dung tinh thần và trí tuệ. Đây là một đặc trưng của truyền thống nghiên cứu văn hoá Đức, quan niệm văn hoá như là phương diện đời sống tinh thần của con người.

Theo M. Weber, văn hoá là quan trọng đối với sự phát triển. Tư tưởng của Luther được hình thành trên cơ sở các ý tưởng của các mục sư Tin Lành, đến lượt nó lại hình thành cơ sở cho tư tưởng của CNTB. Văn hoá cũng là cơ sở cho sự phát triển của trật tự kinh tế. Các ý tưởng cụ thể chứa đựng văn hoá trở thành cơ sở cho các điều kiện logic mà ảnh hưởng đến hành vi của con người. Kết quả là sự hình thành trật tự xã hội, văn hoá tác động đến cả trật tự xã hội.

Khi trình bày mối liên hệ nhân quả giữa nhân tố tinh thần và nhân tố kinh tế, cụ thể là niềm tin tôn giáo đối với sự phát triển của CNTB, M. Weber không bao giờ tuyệt đối hoá vai trò của yếu tố tinh thần trong sự phát triển của kinh tế. Ông cho rằng, đạo đức Tin Lành chỉ là một trong vô số những động lực cho quá trình phát triển của CNTB, chưa bao giờ ông nghĩ một cách giản đơn rằng CNTB chỉ là sản phẩm của nền đạo đức Tin Lành. Ông viết rõ ràng “Cũng tuyệt nhiên không có chuyện bảo vệ cho một luận điểm giáo điều và phi lý như là cho rằng tinh thần của CNTB chỉ có thể ra đời như là kết quả của một số tác động nhất định của cuộc cải cách (Tin Lành), hay thậm chí còn khẳng định rằng CNTB với tư cách là một hệ thống kinh tế là một sản phẩm của cuộc cải cách (Tin Lành) (5, tr.29). Trong bài viết “Chống lại sự phê phán liên quan tới tinh thần của CNTB” (năm 1910) nhằm phản bác lại những lời công kích của nhà sử học Đức Felix Rachfahl, M. Weber nhắc lại rằng, ông quan niệm những động lực tinh thần xuất phát từ nền đạo đức Calvin “chỉ là một yếu tố cấu thành của tinh thần của CNTB”. Ông viết “Tôi đã từng nói một cách hết sức quyết liệt rằng tôi không hề chịu trách nhiệm gì về việc các tác giả khác đã tuyệt đối hoá các nhân tố tôn giáo ấy - những nhân tố mà tôi đã gọi một cách rõ ràng và nhấn mạnh tối đa như một nhân tố đặc thù - và việc họ đồng hoá chúng với tinh thần của CNTB nói chung hay thậm chí còn coi CNTB như là xuất phát từ chúng” (5, tr.30). Trường hợp này của M. Weber chúng ta cũng đã từng gặp đối với K. Marx và F. Engels,

khi các học giả khác luôn công kích các ông là tuyệt đối vai trò của nhân tố kinh tế trong sự phát triển của xã hội.

Như vậy, dưới góc độ văn hoá học, tác phẩm “Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản” của M. Weber cho thấy rõ mối quan hệ của văn hoá và phát triển: văn hoá như là một trong những động lực cho sự phát triển kinh tế xã hội. Vấn đề mà M. Weber đặt ra cách đây một thế kỷ lại trở thành chủ đề thu hút sự quan tâm chú ý không những của các nhà nghiên cứu văn hoá mà cả với các nhà hoạt động chính trị, xã hội hiện nay. Bài viết này mới chỉ là nghiên cứu ban đầu, những tư tưởng của M. Weber trong tác phẩm cần tiếp tục khai thác trong nghiên cứu văn hoá học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. M. Weber. The Protestant Ethic and the Spirit of Capitalism. London: Unwin University Books, 1970.
2. A. Hamilton. Max Weber's Protestant Ethic and the Spirit of Capitalism, in “The Cambridge Companion to Weber”, Stephen P.Turner(Ed). NY: Cambridge University Press, 2000.
3. Anthony T. Kronman. Max Weber. CA: Stanford University Press, 1983.
4. AA. Radughin. Văn hoá học - Những bài giảng. Người dịch Vũ Đình Phòng. H.: Viện Văn hoá Thông tin, 2004.
5. M. Weber. Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản. Người dịch Bùi Văn Nam Sơn, Nguyễn Nghị, Nguyễn Tùng và Trần Hữu Quang. H.: Tri thức, 2008.